

-----o0o-----

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ PHIẾU KHẢO SÁT PHẢN HỒI CỦA CỰU SINH VIÊN VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ TRƯỜNG, THIẾT KẾ VÀ RÀ SOÁT CĐR, MỤC TIÊU CỦA CTĐT, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Phiếu số 04)

Ngành Kỹ thuật Môi trường

1. Mục đích khảo sát: với mục đích đào tạo sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với ngành đào tạo và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, Trường Đại học Mỏ - Địa chất triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của cựu sinh viên về chiến lược phát triển của nhà trường, CĐR, mục tiêu CTĐT, đề cương chi tiết học phần và ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động.

2. Đối tượng khảo sát: Cựu sinh viên từng theo học Ngành Kỹ thuật Môi trường tại trường Đại học Mỏ- Địa chất.

3. Thời gian khảo sát: 12/2019

4. Phương pháp khảo sát: Tổ chức lấy ý kiến trực tuyến.

5. Tổng số phiếu khảo sát: 64 phiếu

6. Thông kê kết quả:

Ý kiến đóng góp của cựu sinh viên đối với từng mục theo thang điểm từ 1 đến 5:

1. Hoàn toàn không đồng ý 2. Không đồng ý 3. Phân vân 4. Đồng ý 5. Hoàn toàn đồng ý

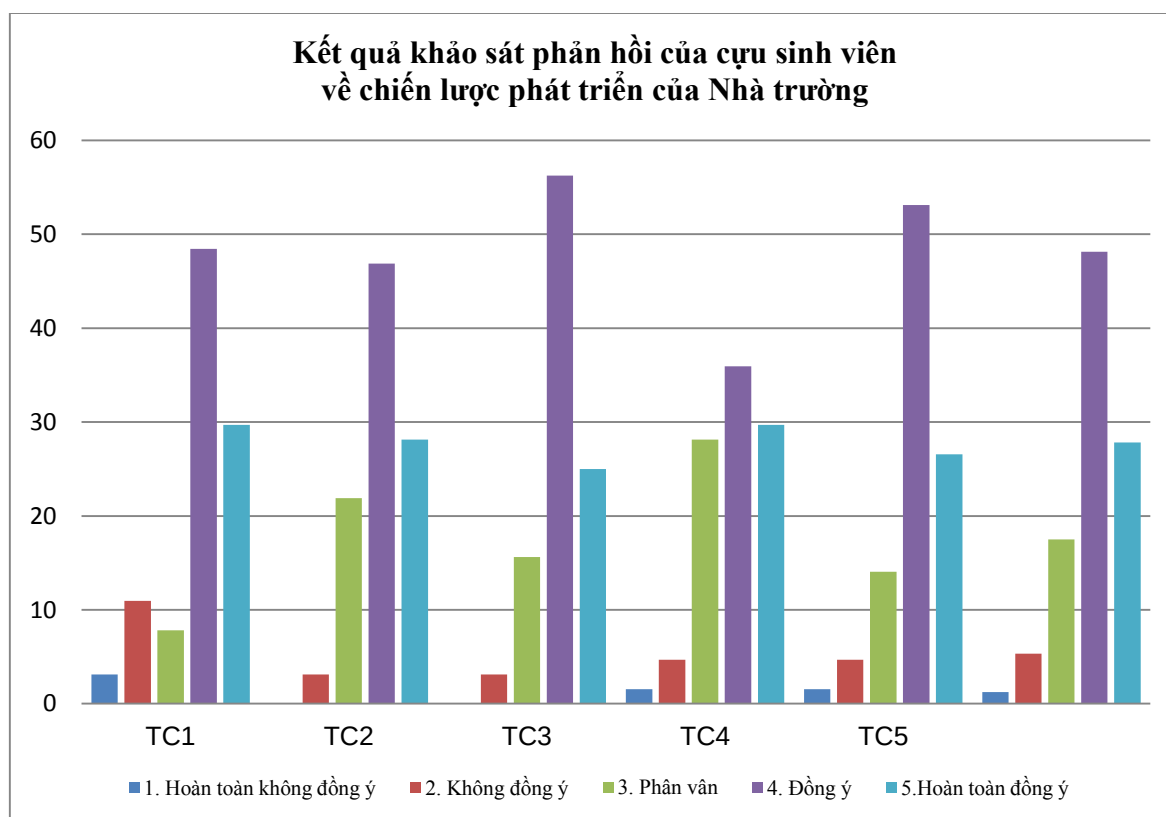
6.1. Nội dung phiếu Khảo sát đánh giá và kết quả khảo sát được thể hiện ở các mục I, II, III, IV và các bảng 6.1, 6.2, 6.3 và hình 6.1, 6.2, 6.3 dưới đây:

I. Chiến lược phát triển của Nhà trường

Bảng 6.1. Tổng hợp kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên
về chiến lược phát triển của Nhà trường

STT	Nội dung đánh giá	ĐV	Tỷ lệ	TB
-----	-------------------	----	-------	----

			①	②	③	④	⑤	trọng số (Theo thang điểm 5)
1	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường được công bố công khai trên website	Phiếu	2	7	5	31	19	3.91
		%	3.13	10.94	7.81	48.44	29.69	
2	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của Anh/Chị	Phiếu	0	2	14	30	18	4,00
		%	0	3.13	21.88	46.88	28.13	
3	Chiến lược phát triển của Nhà trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi	Phiếu	0	2	10	36	16	4.03
		%	0	3.13	15.63	56.25	25	
4	Anh/Chị tham gia vào việc hình thành và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường	Phiếu	1	3	18	23	19	3.87
		%	1.56	4.69	28.13	35.94	29.69	
5	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi được cải tiến trong quá trình phát triển của Nhà trường	Phiếu	1	3	9	34	17	3.98
		%	1.56	4.69	14.06	53.13	26.56	
	TB	%	1.25	5.32	17.50	48.13	27.81	



Hình 6.1. Biểu đồ biểu diễn kết quả khảo sát đánh giá phản hồi sinh viên
về chiến lược phát triển của Nhà trường

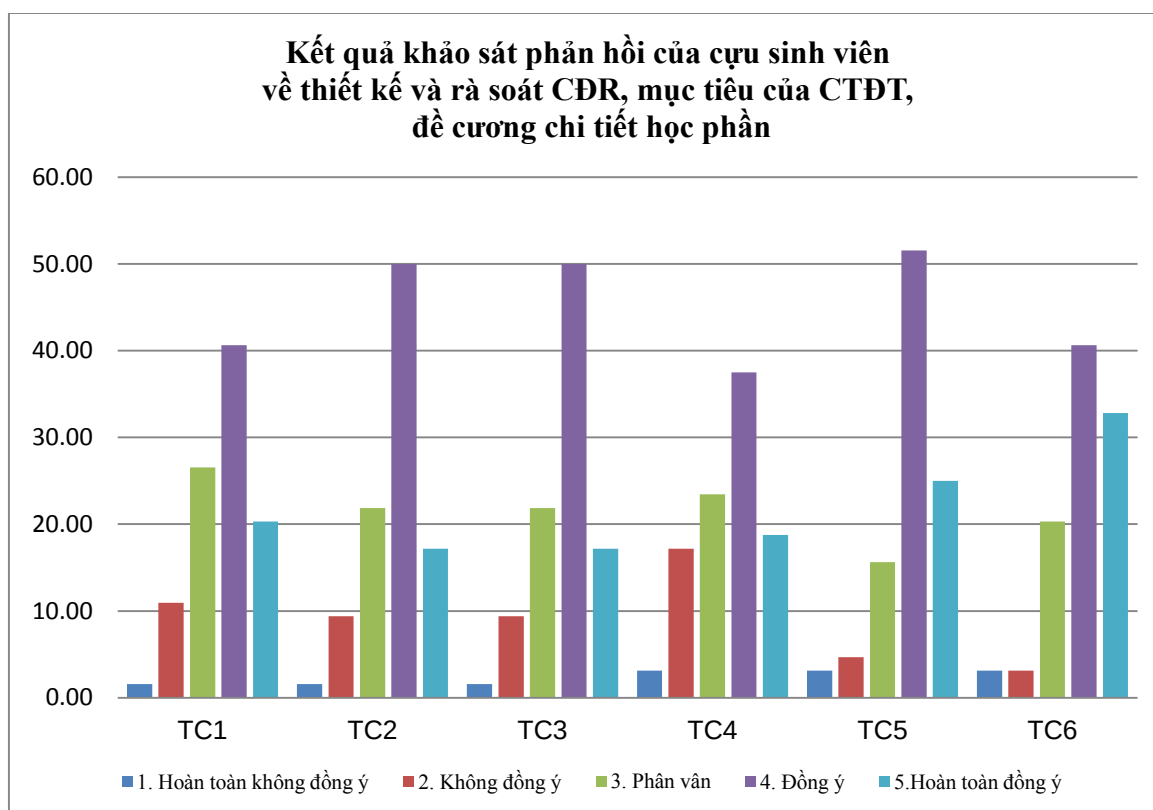
Như vậy với chiến lược phát triển của nhà trường, đa số (75,94%) cựu sinh viên đều đưa ra ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các vấn đề cần khảo sát như tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường công khai, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của người học và chiến lược phát triển của Nhà trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi. Tuy nhiên cũng còn không ít (24,06%) cựu sinh viên còn phân vân và chưa đồng ý với các ý kiến trên. Riêng với ý kiến tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường được công bố công khai trên website vẫn còn tới 10,94% cựu sinh viên là không đồng ý.

II. Thiết kế và rà soát CDR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần

Bảng 6.2. Tổng hợp kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên
về thiết kế và rà soát CDR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần

STT	Nội dung đánh giá	DV	Tỷ lệ					TB trọng số (Theo thang điểm 5)
			①	②	③	④	⑤	

1	CĐR, mục tiêu CTĐT phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu/triết lý giáo dục của Nhà trường và phù hợp với mong muốn của Anh/Chị	Phiếu	1	7	17	26	13	3.67
		%	1.56	10.94	26.56	40.63	20.31	
2	CTĐT cân đối giữa kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành	Phiếu	1	6	14	32	11	3.72
		%	1.56	9.38	21.88	50	17.19	
3	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý	Phiếu	2	11	15	24	12	3.52
		%	3.13	17.19	23.44	37.5	18.75	
4	Nội dung CTĐT được cập nhật, đổi mới để đáp ứng nhu cầu xã hội	Phiếu	2	3	10	33	16	3.91
		%	3.13	4.69	15.63	51.56	25	
5	Đề cương, nội dung học phần được cập nhật thường xuyên	Phiếu	2	0	15	31	16	3.92
		%	3.13	0	23.44	48.44	25	
6	Anh/Chị được tham gia góp ý khi Nhà trường xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT	Phiếu	2	2	13	26	21	3.97
		%	3.13	3.13	20.31	40.63	32.81	
	TB	%	2.35	9.12	21.62	45.05	21.88	



Hình 6.2. Biểu đồ biểu diễn kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên về thiết kế và rà soát CDR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần

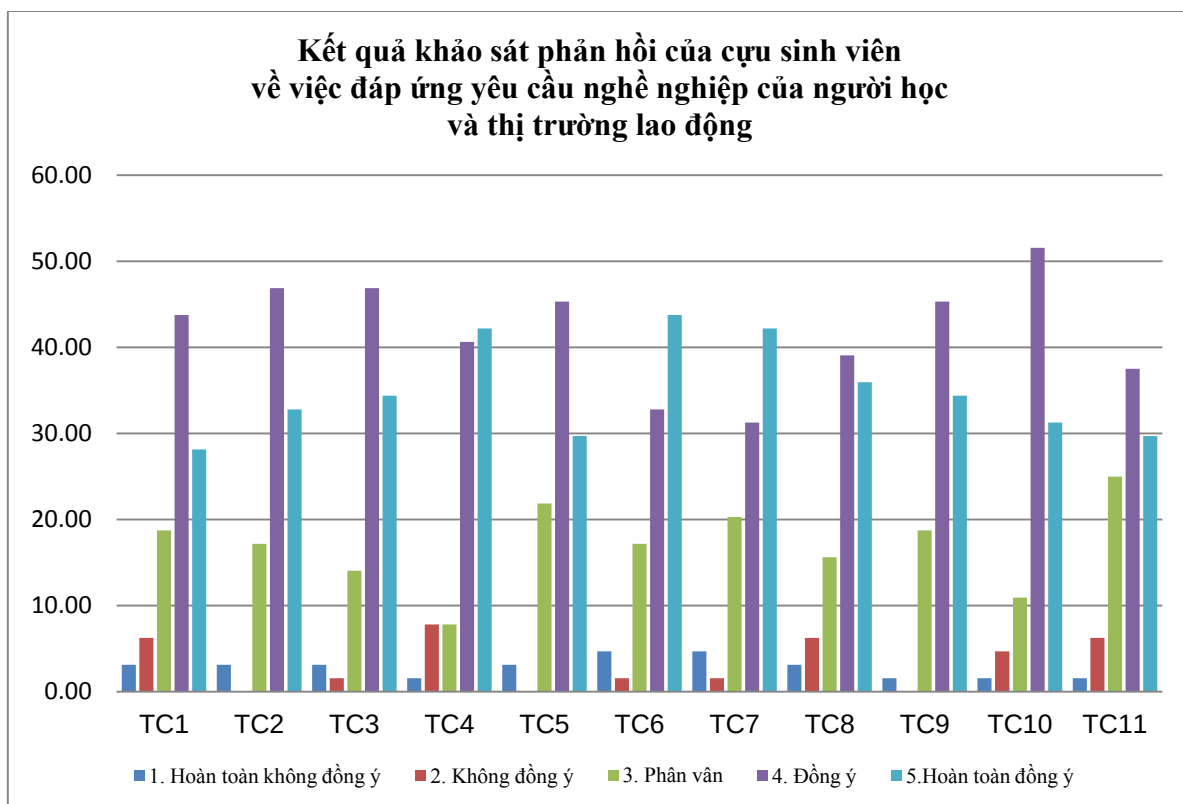
Và với việc thiết kế và rà soát CDR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần, đa số (66,93,%) cựu sinh viên đều đưa ra ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các vấn đề cần khảo sát như CDR, mục tiêu CTĐT phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu/triết lý giáo dục của Nhà trường và phù hợp với mong muốn của người học, tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý... Tuy nhiên cũng còn khá nhiều cựu sinh viên còn phân vân và chưa đồng ý với các ý kiến trên (33,08%). Cụ thể như với ý kiến CDR, mục tiêu CTĐT phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu/triết lý giáo dục của Nhà trường và phù hợp với mong muốn của cựu sinh viên thì có tới 10,94% cựu sinh viên không đồng ý, đặc biệt là ý kiến tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý thì tỷ lệ sinh viên không đồng ý lên đến 17,19%.

III. Ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động

Bảng 6.3. Tổng hợp kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên về việc đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động

STT	Nội dung đánh giá	ĐV	Tỷ lệ					TB trọng số
			①	②	③	④	⑤	
1	Chương trình đào tạo cần được điều chỉnh	Phiếu	2	4	12	28	18	3.88

STT	Nội dung đánh giá	ĐV	Tỷ lệ					TB trọng số
			①	②	③	④	⑤	
	và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động	%	3.13	6.25	18.75	43.75	28.13	
2	Các nhà tuyển dụng đóng góp ý kiến và tham gia xây dựng chương trình đào tạo	Phiếu	2	0	11	30	21	4.06
		%	3.13	0	17.19	46.88	32.81	
3	Thời lượng thực tập của sinh viên cần được tăng thêm	Phiếu	2	1	9	30	22	4.08
		%	3.13	1.56	14.06	46.88	34.38	
4	Thời lượng thực hành trong chương trình đào tạo của ngành được tăng thêm	Phiếu	1	5	5	26	27	4.14
		%	1.56	7.81	7.81	40.63	42.19	
5	Thời lượng lý thuyết giảm đi	Phiếu	2	0	14	29	19	3.98
		%	3.13	0	21.88	45.31	29.69	
6	Sinh viên được học khoá bổ trợ các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động	Phiếu	3	1	11	21	28	4.09
		%	4.69	1.56	17.19	32.81	43.75	
7	Sinh viên được rèn luyện các phẩm chất đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động	Phiếu	3	1	13	20	27	4.05
		%	4.69	1.56	20.31	31.25	42.19	
8	Sinh viên được trang bị thêm về kỹ năng học tập suốt đời	Phiếu	2	4	10	25	23	3.98
		%	3.13	6.25	15.63	39.06	35.94	
9	Nhà trường cập nhật cho người học thông tin về nhu cầu sử dụng lao động	Phiếu	1	0	12	29	22	4.11
		%	1.56	0	18.75	45.31	34.38	
10	Nhà trường phối hợp với các nhà tuyển dụng lao động tổ chức xemina cho sinh viên	Phiếu	1	3	7	33	20	4.06
		%	1.56	4.69	10.94	51.56	31.25	
11	Các nhà tuyển dụng lao động tham gia quá trình đào tạo tại Trường	Phiếu	1	4	16	24	19	3.88
		%	1.56	6.25	25	37.5	29.69	
	TB	%	2.84	3.27	17.05	41.90	34.95	



Hình 6.3. Biểu đồ biểu diễn kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên về việc đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động

Còn các ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động, đa số (76,85,%) cựu sinh viên đều đưa ra ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các vấn đề cần khảo sát như Chương trình đào tạo cần được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động , thời lượng lý thuyết giảm đi, các nhà tuyển dụng lao động tham gia quá trình đào tạo tại Trường ... Tuy nhiên cũng còn có những cựu sinh viên còn phân vân và chưa đồng ý với các ý kiến trên (23,15%).

IV. Thông tin về việc làm của cựu sinh viên

1. Công việc hiện tại của Cựu sinh viên đa số phù hợp với chuyên môn và trình độ được đào tạo đạt tỷ lệ 76,56% và cũng có khá nhiều cựu sinh viên làm trái ngành (24,44%).
2. Có trên 84.38% (54/64 phiếu) cựu sinh viên là hài lòng với công việc hiện tại.

	Nội dung	a	b	c	d	e
--	----------	---	---	---	---	---

3	Thời gian cựu sinh viên tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp: a. Dưới 3 tháng b. Sau 3 - 6 tháng c. Từ 6 - 12 tháng d. - Trên 12 tháng e. Không có việc làm sau 1 năm	26 Phiếu	,40,62%	17 Phiếu	26,56%	18 Phiếu	28,12%	3 Phiếu	4,69%	0 Phiếu	0,0%
4	Cựu sinh viên tìm được việc làm thông qua: a. Bạn bè người quen giới thiệu b. Tự tìm việc làm c. Nhà trường giới thiệu d. Tự tạo việc làm e. Thực tập doanh nghiệp	16 Phiếu	25%	33 Phiếu	51,56%	4 Phiếu	6,25%	3 Phiếu	4,68%	8 Phiếu	12,5%
5	Cựu sinh viên làm việc cho loại hình kinh doanh: a. Cơ quan/doanh nghiệp nhà nước b. Cơ quan/doanh nghiệp tư nhân c. Cơ quan/doanh nghiệp nước ngoài d. Kinh doanh tự do e. Các loại hình khác	8 Phiếu	12,5%	27 Phiếu	42,19%	10 Phiếu	15,63%	14 Phiếu	21,88%	5 Phiếu	7,81%
6	Mức thu nhập hiện tại của cựu sinh viên (triệu đồng/tháng) a. Dưới 4 triệu b. Từ 4 - 6 triệu c. Từ 6 - 8 triệu d. Từ 8-10 triệu e. Trên 10 triệu	5 Phiếu	7,81%	17 Phiếu	26,56%	17 Phiếu	26,56%	13 Phiếu	20,31%	8 Phiếu	12,5%

Như vậy, với những sinh viên đã theo học ngành Kỹ thuật Môi trường thì đa số sau khi tốt nghiệp họ đều làm đúng ngành được đào tạo, hài lòng với công việc hiện tại, trước 6 tháng họ đã tìm được việc làm và có thu nhập ổn định ở mức trung bình trong xã hội, thậm chí thu nhập cao (chiếm 12,5%) và họ làm cho các loại hình doanh nghiệp.

7. Trong thời gian học tập tại trường cựu sinh viên đã hài lòng với các vấn đề như: Giảng viên nhiệt tình, chu đáo, giảng viên có nhiều mối quan hệ xã hội để giới thiệu việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp, cơ sở vật chất tốt, CTĐT phù hợp với nhu cầu xã hội, luôn được trải nghiệm những điều mới mẻ, bạn bè hòa đồng thân thiện. được tham gia các hoạt động văn thể mỹ của khoa, của trường...

8. Tuy nhiên cựu sinh viên vẫn chưa thực sự hài lòng ở một số vấn đề sau: Kiến thức đại cương và thể dục còn khá nặng, kiến thức thực tế ít, một số thủ tục, nhu cầu của sinh viên giải quyết còn chậm...

9. Nếu có cơ hội tư vấn người thân, bạn bè chọn trường thì cựu sinh viên đa số có giới thiệu (đạt tỷ lệ giới thiệu 82,81%).

10. Cựu sinh viên có một số ý kiến khác góp ý cho nhà trường:

Trong quá trình sinh viên học tập rất mong nhà trường đào tạo thêm cho sinh viên các kỹ năng mềm, kỹ năng phát triển bản thân, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên gắn với thực tế của thị trường lao động cũng như nhu cầu phát triển kinh tế đất nước, để ngày càng nhiều sinh viên ra trường làm đúng ngành đã được học, tránh lãng phí kiến thức chuyên ngành đã được đào tạo, mang kiến thức đã học cũng như tâm huyết của thầy cô phát triển ngành khoáng sản Việt Nam nói chung, và nền kinh tế đất nước nói riêng;

Khuyến khích sinh viên học ngoại ngữ sớm, nhà trường cần hỗ trợ các khóa học tiếng nước ngoài, hàn, nhật, anh, trung.... vì ra ngoài rất cần thiết ngoại ngữ khác, cơ hội xin việc sẽ rộng mở hơn; Để sinh viên thực tập nhiều hơn, hiểu rõ hơn về năng lực của mình và tìm các công việc phù hợp; Nhà trường nên định hướng rõ các công việc, các tổ chức mà sinh viên có thể làm việc sau khi ra trường. Hoặc có thể tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tiếp cận việc làm tại các doanh nghiệp ngay từ năm thứ ba, thứ tư;

Cần mở hơn trong công tác song hành với các công ty, có nhiều hơn các hoạt động kết nối với xã hội, phát triển kỹ năng học tập, rèn luyện và tự giải quyết được các vấn đề của sinh viên.